

Số: 98/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13 – 12 – 2024.

Về: “Tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Dũng;
2. Ông Lê Lâm Bảo Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Ông Chau Pho Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 341/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2024 về: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2024/QĐXX- DS ngày 25 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tường V, sinh năm: 2004; địa chỉ cư trú: Tổ B, khóm T, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Trịnh Hoàng L, sinh năm: 2001; địa chỉ cư trú: Tổ I, ấp T, xã N, huyện T, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa có mặt bà V, ông L).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/10/2024 với các tài liệu kèm theo cũng như quá trình tố tụng tại Tòa, bà Nguyễn Thị Tường V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà với anh L được hình thành là do tự tìm hiểu, cha mẹ hai bên đồng ý đứng ra tổ chức đám cưới cho hai người vào năm 2021, hôn nhân có đăng ký kết hôn vào ngày 07/3/2022 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25 tại UBND xã N Cuộc sống chung hạnh phúc đến tháng 10/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Lạc lười lao động không quan tâm vợ con, chỉ biết chơi game, mọi việc trong gia đình bỏ mặc cho bà lo lại còn kiêu chuyên cáu gắt, gây cãi nhau thường xuyên, bà không thể chịu đựng được nên bỏ nhà về cha mẹ sống ly thân với ông L hơn 01 năm nay. Trong thời gian ly thân gia đình có hàn gắn nhưng không thành. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà xin ly hôn với ông L.

Về quan hệ con chung: Bà với ông L có 01 con chung tên Trịnh Hoàng Đăng K, sinh ngày 16/11/2021, hiện do ông L nuôi, khi ly hôn bà đồng ý giao con cho ông L tiếp tục nuôi, bà xin không cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Bà với ông L không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Bà với ông L không có nợ chung.

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho ông Trịnh Hoàng L để tham gia phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải, nhưng ông vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, bà V bảo lưu ý kiến của mình. Đối với ông L thống nhất với nội dung trình bày của bà V về mâu thuẫn vợ chồng là do lỗi của ông; tuy nhiên nay ông vẫn còn thương vợ, xin được đoàn tụ lại và hứa sẽ sửa đổi bản thân để cùng lao động nuôi con.

Quan điểm của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết đúng theo trình tự thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Bà V – ông L chung sống có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông L thừa nhận lỗi là do mình lười lao động không quan tâm vợ con... nên bà V xin ly hôn là có căn cứ. Về con chung, cháu Trịnh Hoàng Đăng K, hai người thống nhất giao cho ông L nuôi, nên đề nghị công nhận. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bà V khởi kiện: “Tranh chấp ly hôn” với ông L, là thuộc thẩm quyền của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông L có địa chỉ cư trú tại huyện T, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà V – ông L kết hôn và chung sống với nhau vào năm 2021, hôn nhân có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25 ngày 07/3/2022, nên xem là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, bà V bảo lưu ý kiến của mình, thể hiện do ông L lười lao động không quan tâm vợ con, chỉ biết chơi game, mọi việc trong gia đình ông L bỏ mặc cho bà lo ... và tại phiên tòa ông L thừa nhận lỗi do mình, xin được đoàn tụ lại, nhưng bà V không đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà V – ông L không chỉ xảy trong thời gian ngắn mà liên tục kéo dài, gia đình cũng hàn gắn nhưng không thành, nên bà V kiên quyết ly hôn là có căn cứ, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà V.

[3]. *Về quan hệ con chung:* Xét thấy, cháu Trịnh Hoàng Đăng K từ trước nay do ông L nuôi, tình cảm giữa cháu K với ông L thật sự gắn bó và tại phiên tòa, bà V – ông L thống nhất nhau giao cháu K cho ông L nuôi, để không xáo trộn tâm sinh lý của cháu

cũng như để cháu K phát triển tốt về sau, HĐXX công nhận tự nguyện thỏa thuận nuôi con chung giữa bà V và ông L.

HĐXX cũng giải thích cho ông L biết: Trong thời gian nuôi con, ông L cùng người thân trong gia đình không được cản trở bà V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng ông L không yêu cầu nên HĐXX công nhận sự tự nguyện.

[4] *Về quan hệ tài sản chung, nợ chung*: Bà V – ông L khai không có tài sản chung và cũng không có nợ chung, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Tường V là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các bên không phải chịu án phí nào khác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tường V.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Tường V được ly hôn với ông Trịnh Hoàng L.

Về quan hệ con chung: Ông Trịnh Hoàng L tiếp tục nuôi con chung tên Trịnh Hoàng Đăng K, sinh ngày 16/11/2021.

Công nhận tự nguyện của ông L không yêu cầu bà V cấp dưỡng nuôi con.

Ông L cùng người thân trong gia đình không được cản trở bà V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Bà V – ông L khai không có tài sản chung.

Về quan hệ nợ chung: Bà V – ông L khai không có nợ chung.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tường V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012729 ngày 10/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn (bà V nộp đủ).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/12/2024), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAT;
- VKS huyện;
- THADS đề thi hành.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- vp.

Lê Văn Huệ